TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH HÀ** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19-7-2023
V/v tranh chấp: Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Tuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Ngọc Thành và bà Bùi Thị Vân.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Thùy Dương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 19/7/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 126/2023/TLST-HNGĐ ngày 25/4/2023, về tranh chấp: Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/6/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Tăng Bá Q, sinh năm 1985, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1988, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Q, bị đơn chị H, đều trình bày: Anh, chị kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn tại UBND xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương vào ngày 04/7/2008 và chung sống đến khoảng năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm sống, không hợp tính nết và đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay, anh Q, chị H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh Q xin ly hôn, chị H đồng ý.

Về con chung: Anh Q, chị H xác định có hai con là Tăng Thị P. H sinh ngày 24/10/2009, Tăng Bá A. Đ sinh ngày 08/9/2012, hiện hai con do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh Q có nguyện vọng xin nhận được nuôi dưỡng một hoặc cả hai con, nếu được nuôi dưỡng anh Q không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con,

nếu các con có nguyện vọng ở với chị H, anh đồng ý giao cho chị H nuôi dưỡng và cấp dưỡng tiền nuôi hai con là 2.500.000đ/tháng/con. Chị H có nguyện vọng xin nhận nuôi dưỡng cả hai con, nhất trí mức cấp dưỡng tiền nuôi con khi ly hôn của anh Q là 2.500.000đ/tháng/con.

Về tài sản, nợ chung, công sức: Anh Q, chị H đều xác định trong quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không nợ tài sản của ai, không cho ai vay tài sản, không có công sức đóng góp gì vào khối tài sản của gia đình hai bên. Vì vậy, khi ly hôn, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 147, 227, 228, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 39 của Bộ luật dân sự. Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Luật phí và lệ phí. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTVQH. Xử, anh Q ly hôn chị H; giao hai con cho chị H nuôi dưỡng, anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị H 2.500.000đ/tháng/con; anh Q phải chịu án phí ly hôn, án phí cấp dưỡng tiền nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, HĐXX, nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Q, chị H đều đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vụ án vắng mặt những người tham gia tố tụng.

[2] Về hôn nhân: Anh Q, chị H kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn tại UBND xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương ngày 04/7/2008, được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai bên bất đồng quan điểm sống, không hợp tính nết và đều xác định tình cảm vợ chồng không còn. Theo UBND xã T xác định, mâu thuẫn giữa các bên đương sự đã trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ hôn nhân. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tạo điều kiện cho hai bên đương sự được gặp gỡ, tham gia phiên hòa giải, mục đích tìm kiếm biện pháp để đoàn tụ hôn nhân, nhưng hai bên đều từ chối không tham gia phiên hòa giải, điều này chứng tỏ anh Q, chị H đều không mong muốn tìm kiếm biện pháp để đoàn tụ hôn nhân. Như vậy, từ những căn cứ như đã nêu ở trên chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh Q, chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của các bên đương sự, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, xử anh Q ly hôn chị H

[3]. Về con chung: Xác định anh Q, chị H có hai con là Tăng Thị P. H sinh ngày 24/10/2009, Tăng Bá A. Đ sinh ngày 08/9/2012. Khi ly hôn, anh Q có nguyện

vọng nhận nuôi dưỡng một hoặc cả hai con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con. Nếu các con có nguyện vọng ở với chị H, anh đồng ý giao cho chị H nuôi dưỡng và cấp dưỡng tiền nuôi cả hai con là 2.500.000đ/tháng/con. Chị H có quan điểm xin nhận nuôi dưỡng cả hai con, đồng ý mức cấp dưỡng tiền nuôi con của anh Q, khi ly hôn là 2.500.000đ/con/tháng.

Về việc nuôi dưỡng con của hai bên đương sự, HĐXX thấy rằng: Cháu H, cháu Đ đều trên 7 tuổi, có nguyện vọng ở với chị H, quá trình nuôi dưỡng con chung chị H không vi phạm điều kiện nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, HĐXX xem xét giao các cháu Hiền, Đạt cho chị H nuôi dưỡng, anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con ở mức 2.500.000đ/tháng/con, kể từ tháng 7/2023 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[4]. Về tài sản, nợ, công sức: Anh Q, chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung, không nợ tài sản của ai, không cho ai vay tài sản, không có tài sản, công sức đóng góp gì vào khối tài sản của gia đình hai bên. Khi ly hôn, anh Q, chị H không yêu cầu giải quyết.

[6]. Về án phí: Anh Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Anh Tăng Bá Q ly hôn chị Phạm Thị H.

2. Về con chung: Giao các con Tăng Thị P. H sinh ngày 24/10/2009 và Tăng Bá A. Đ sinh ngày 08/9/2012 cho chị Phạm Thị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi các con cho chị H là 2.500.000đ/tháng/con (tổng hai con là 5.000.000đ/tháng) kể từ tháng 7/2023 cho đến cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu người phải thi hành án chưa thi hành khoản trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Anh Tăng Bá Q phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa

án số AA/2021/0003524 ngày 20/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Anh Q phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng tiền nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- UBND xã T, huyện Thanh Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Toà án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Tuân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA